

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2022/DS-ST**
Ngày 22 tháng 9 năm 2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Nguyên Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bời
2. Ông Nguyễn Văn Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tấn M – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh K (theo Quyết định số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Hoàng L – Chuyên viên Quản lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 28/GUQ-22 ngày 08/5/2022) (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1996

HKTT và địa chỉ hiện nay: 40/14A Tân A, phường Phước H, thành phố N, tỉnh K. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/12/2020, ông Trần Thanh T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K (sau đây ghi tắt là Ngân hàng). Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch rút tiền nhiều lần, tính đến ngày 25/4/2021 tổng số tiền ông T đã giao dịch là 13.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên ngày 26/4/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên lạc yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng ông T vẫn không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh T phải trả khoản nợ tạm tính đến ngày 11/02/2022 là 16.993.086 đồng và khoản lãi phát sinh kể từ ngày 12/02/2022 cho đến khi trả hết nợ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 18/5/2022 ông T trả 2.000.000 đồng; ngày 20/7/2022, ông T trả 500.000 đồng cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 22/9/2022, số nợ của ông Trần Thanh T tổng cộng: 15.464.984 đồng; trong đó nợ gốc: 10.500.000 đồng, tiền lãi: 4.964.984 đồng. Kể từ ngày 23/9/2022 cho đến khi trả hết nợ, ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân).

Bị đơn là ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do; do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai về vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng và ông Trần Thanh T có xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng; tính đến ngày 22/9/2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 15.464.984 đồng; trong đó nợ gốc: 10.500.000 đồng, tiền lãi: 4.964.984 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Trần Thanh T; ông T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố N, tỉnh K nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tính có hiệu lực của hợp đồng: Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên có giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thể hiện ở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 12/12/2020. Xét hợp đồng được các bên tự nguyện giao kết, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[3] Về nội dung: Ông Trần Thanh T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Đến ngày 22/9/2022, ông Trần Thanh T còn nợ số tiền đã tiêu dùng bằng thẻ tín dụng là 10.500.000 đồng, quá hạn thanh toán từ ngày 26/4/2021. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về yêu cầu trả nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 2.500.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 10.500.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự và thỏa thuận của các bên nên chấp nhận.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng được ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ theo Điều 1.24 Lãi suất và Điều 24 Vi phạm của Điều khoản và điều kiện vừa nêu, việc Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T sang nợ quá hạn ngày 26/4/2021 là phù hợp. Như vậy, tính đến ngày 22/9/2022 số tiền lãi là 4.964.984 đồng và số tiền nợ lãi vẫn phát sinh từ ngày 23/9/2022 đến khi bị đơn trả hết nợ. Xét yêu cầu nợ lãi nêu trên của Ngân hàng là phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết nên chấp nhận.

Tính đến ngày 22/9/2022, ông Trần Thanh T phải trả cho Ngân hàng tổng cộng 15.464.984 đồng (bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi bốn đồng)

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải

chịu án phí dân sự sơ thẩm là 773.249 đồng theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 423.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền **15.464.984 đồng** (bằng chữ: *Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi bốn đồng*) (bao gồm tiền gốc: 10.500.000 đồng, tiền lãi: 4.964.984 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 23/9/2022 đến khi trả hết nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 12/12/2020 mà các bên đã ký kết.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Thanh T phải chịu 773.249 đồng (*Bảy trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 423.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001396 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Nguyên Châu